

Số: ~~4416~~ QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày ~~23~~ tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định 346/QĐ-ĐHSP ngày 16/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/07/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo, trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm (có Bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Bộ chương trình đào tạo, trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 27 trở đi.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (3).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường

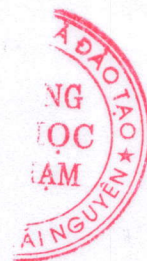
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: ~~44~~16 /QĐ-ĐHSP, ngày 23 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Toán giải tích
2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Đại số và lý thuyết số
3. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Toán
4. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Vật lý
5. Chương trình đào tạo thạc sĩ Vật lý chất rắn
6. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa vô cơ
7. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa hữu cơ
8. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa phân tích
9. Chương trình đào tạo thạc sĩ Di truyền học
10. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh học thực nghiệm
11. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh thái học
12. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Sinh học
13. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Văn-T. Việt
14. Chương trình đào tạo thạc sĩ Văn học Việt Nam
15. Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam
16. Chương trình đào tạo thạc sĩ Lịch sử Việt Nam
17. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý tự nhiên
18. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý học
19. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Địa lý
20. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản Lý giáo dục
21. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học
22. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)
23. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Lý luận chính trị

Danh sách gồm 23 chương trình đào tạo./.



PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Chương trình theo định hướng Nghiên cứu
- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **60** trong đó:
 - + Phần kiến thức chung: 8 tín chỉ
 - + Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành 39 tín chỉ (Bắt buộc: 25 tín chỉ, Tự chọn: 14/ 31 tín chỉ)
 - + Phần luận văn thạc sĩ: 13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	TH/ Seminar	Bài tập	
I	PHẦN I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	PHI513	Triết học	4	45	20	0	
2	ENG515	Tiếng Anh	5	30	50	40	
II	PHẦN II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH						
II.1	Kiến thức cơ sở						
II.1.1	Bắt buộc (14 tín chỉ)						
3	MAP523	Toán cho Vật lý	3	35	10	10	
4	NQM523	Cơ học lượng tử không tương đối tính	3	35	20	0	
5	SSP523	Vật lí chất rắn	3	35	10	10	
6	ITP522	Tin học trong Vật lý	2	25	10	0	
7	UDT523	Sử dụng phương tiện kĩ thuật số trong dạy học vật lý	3	35	20	0	
		Tổng	14				
II.1.2	Tự chọn (Chọn 8 tín chỉ)						
8	FCN522	Hàm số biến phức	2	25	10	0	
9	SEP523	Vật lí bán dẫn	3	35	10	10	
10	RQM523	Cơ học lượng tử tương	3	35	10	10	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	TH/ Seminar	Bài tập	
		đổi tính					
11	SMR522	Phương pháp thống kê trong nghiên cứu khoa học giáo dục	2	25	10	10	
12	CDV523	Xây dựng và phát triển chương trình	3	35	10	10	
		<i>Tổng</i>	<i>8/13</i>				
II.2	Kiến thức chuyên ngành						
II.2.1	Bắt buộc (11 tín chỉ)						
13	OAT532	Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học vật lý ở trường phổ thông	2	25	10	0	
14	CMT533	Những vấn đề hiện đại của Lý luận và phương pháp dạy học Vật lý	3	35	20	0	
15	UES533	Sử dụng thiết bị thí nghiệm Vật lý ở trường trung học	3	35	20	0	
16	ITS533	Tích hợp trong dạy học Vật lý ở trường phổ thông	3	35	20	0	
		<i>Tổng</i>	<i>11</i>				
II.2.2	Tự chọn (Chọn 6 tín chỉ)						
17	TOD533	Dạy học Vật lý ở trường phổ thông theo định hướng phát triển	3	35	20	0	OAT532

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	TH/ Seminar	Bài tập	
		năng lực của học sinh					
18	AET533	Kiểm tra và đánh giá trong dạy học Vật lý	3	35	20	0	
19	UPD533	Sử dụng bài tập vật lý theo định hướng phát triển năng lực	3	35	20	0	
20	ITN533	Dạy học tích hợp khoa học tự nhiên	3	35	20	0	
21	STP533	Chiến lược dạy học Vật lý ở trường trung học phổ thông	3	35	20	0	
22	RMT533	Phương pháp nghiên cứu khoa học dạy học Vật lý	3	35	20	0	
		<i>Tổng</i>	<i>6/18</i>				
III	LUẬN VĂN						
	PVLV5413	Luận văn	13				
Tổng cộng			60				